TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/DS-PT
Ngày 14 - 12 -2021
V/v: *Tranh chấp quyền sử dụng đất.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mai Lan.

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Tuấn Long;

Ông Phạm Tuấn Minh.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Việt Khương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Ông Hà Văn Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/TLDS-PT ngày 25 tháng 10 năm 2021 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 08/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện YC, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐ-PT ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lường Văn HN; địa chỉ: Bản Đ2, xã CS, huyện YC, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Ông Hà Văn HN1; địa chỉ: Bản Đ2, xã CS, huyện YC, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Hà Thị HN2; địa chỉ: Bản Đ2, xã CS, huyện YC, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

- Bà Hoàng Thị HN3; Bản Đ2, xã CS, huyện YC, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

Do có kháng cáo *của bị đơn*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Nguyên đơn ông Lường Văn HN trình bày:

Năm 1990, vợ chồng ông được ông Hà Văn D và bà Hoàng Thị D1 chia cho một phần đất tại bản Đ2, xã CS, huyện YC. Đến năm 1998 ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, năm 2013 ông Hà Văn HN1 (em vợ ông HN) mượn phần đất trước nhà, giáp mặt đường 103 để làm quán, đến năm 2020 do có nhu cầu sử dụng lại phần đất cho mượn, gia đình ông có đòi lại ông HN1 nhưng không được, ông HN1 cho rằng ông HN không có đất ở khu vực này, toàn bộ đất là của bố mẹ ông HN1 để lại cho vợ chồng ông quản lý sử dụng và phụng dưỡng mẹ cho đến khi qua đời. Ông HN xác định phần đất trên là của gia đình ông, được Nhà nước cấp giấy chứng nhận QSDĐ theo giấy chứng nhận số M351069 do UBND huyện YC cấp ngày 31/10/1998. anh em nhà ông HN1 cũng như người trong bản không có ý kiến gì, đến năm 2020 ông đòi lại đất đã cho ông HN1 mượn để sử dụng không được nên xảy ra tranh chấp. Ông HN đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Hà Văn HN1 phải trả lại cho ông phần diện tích đất giáp đường 103 nằm trong giấy CNQSDĐ của ông HN.

Theo Bản tự khai, trình bày tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bị đơn ông Hà Văn HN1 trình bày:

Ông HN1 xác định về nguồn gốc đất là do bố mẹ ông khai phá, gia đình có chị gái đã đi xây dựng gia đình với anh Lường Văn HN, do các con còn nhỏ nên vợ chồng anh HN đến ở cùng. Đến năm 1996 ông Hà Văn D (bố ông HN1) chết, anh em trong họ họp bàn và giao toàn bộ tài sản, đất của ông bà cho vợ chồng ông quản lý, sử dụng và có trách nhiệm phụng dưỡng mẹ là bà Hoàng Thị D1 cho đến khi qua đời. Việc ông HN làm giấy CNQSDĐ vợ chông ông không biết, do vậy ông không nhất trí với nội dung đơn khởi kiện của ông HN.

Theo Bản tự khai, trình bày tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bà Hà Thị HN2 và bà Hoàng Thị HN3 là Người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày:

Bà Hà Thị HN2 trình bày: Hoàn toàn nhất trí với ý kiến của ông HN, bà đề nghị Hội đồng xét xử đồng ý đối với ý kiến của ông HN và buộc ông Hà Văn HN1 phải trả lại đất cho gia đình.

Bà Hoàng Thị HN3 trình bày: Nhất trí đối với yêu cầu của ông Hà Văn HN1, diện tích đất tranh chấp không phải là của ông HN mà là đất của bố mẹ chồng. Được họp họ hàng giao cho vợ chồng tôi quản lý sử dụng, vợ chồng anh chị HN HN2 làm sổ không nói gì với vợ chồng tôi, chúng tôi không biết, không đồng ý đối với đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 08/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện YC, tỉnh Sơn La đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 32, 33, 34, 36 Luật Đất đai năm 1993; khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2014; khoản 3 Điều 155, Điều 169 Bộ luật Dân sự; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của ông Lường Văn HN. Buộc ông Hà Văn HN1 chấp dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiền quyền sử dụng đất của ông HN. Giao cho ông Lường Văn HN tiếp tục sử dụng phần đất đang tranh chấp tại bản Đ2, xã CS, huyện YC, tỉnh Sơn La, là một phần đất trong GCNQSDĐ số M351069 ngày 31/10/1998 của Chủ tịch UBND huyện YC, có tứ cạnh như sau:

Phía Bắc, giáp rãnh nước giữa nhà ông HN và nhà ông HN1, có chiều dài 5,4m; Phía Nam, giáp đường bê tông vào bản, có chiều dài 5,4m;

Phía Đông, giáp đất hành lang giao thông, có độ dài 7,4m;

Phía Tây, giáp đất của ông HN có độ dài 10,3m; Diện tích là 47,8m^2

2. Tạm giao cho ông Lường Văn HN được sử dụng đất hành lang giao thông đường tỉnh lộ 103, có diện tích 37m^2, có tứ cạnh như sau: Phía Bắc, giáp đất ông HN1 có chiều dài 5m; Phía Nam, giáp đường dân sinh, có độ dài 5m; Phía Tây giáp đất đang tranh chấp có chiều dài 7,4m; Phía Đông, giáp đường tỉnh lộ 103 có độ dài 7,4m; vì đất này gắn liền với diện tích đất trong giấy CNQSDĐ của ông HN. Khi nào Nhà nước có yêu cầu sử dụng thì ông HN có trách nhiệm trả lại đất mà không được yêu cầu bồi thường bất cứ khoản tiền gì.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Do không nhất trí với Bản án sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 08/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện YC, tỉnh Sơn La, ngày 17/9/2021 ông Hà Văn HN1 có đơn kháng cáo đề nghị xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

* *Tại phiên tòa phúc thẩm*:

Bị đơn Ông Hà Văn HN1 giữ nguyên nội dung kháng cáo không nhất trí đối với bản án sơ thẩm vì toàn bộ tài sản, đất nhà vườn là của bố mẹ ông là Hà văn D, bà Hà Thị D1 đã giao quyền thừa kế qua việc họp gia đình họ hàng năm 1996 cho ông HN1 và con dâu Hoàng Thị HN3, tại cấp sơ thẩm ông đã xuất trình Biên bản họp gia đình vào ngày 11/5/1996 có nội dung: Sau khi ông D chết, thì vợ chồng ông HN1 có trách nhiệm chăm sóc bà D1 cho đến khi chết và có quyền sử dụng đất 400m2 thổ cư, đất vườn xung quanh khoảng 300m2, đất nương khoảng 1,2ha đất. Đất của ông HN đang ở là ở trong trong bìa nhà ông.

Nguyên đơn ông Lường Văn HN: Cung cấp tài liệu văn bản họp gia đình của bà D1 năm 2009 để lại toàn bộ tài sản, đất cho con rể, con gái Hà Thị D2; Không nhất trí kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Hà Thị HN2 trình bày: Đất đã được bố mẹ tôi chia cho từ lâu, đã được cấp sổ, nhất trí với ý kiến của ông HN (chồng bà) đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bà Hoàng Thị HN3 trình bày: Diện tích đất tranh chấp không phải là của ông HN mà là đất của bố mẹ chồng. Được họp họ hàng giao cho vợ chồng tôi

quản lý sử dụng, vợ chồng anh chị làm sổ không nói gì với vợ chồng tôi, chúng tôi không biết, không nhất trí đối với bản án sơ thẩm.

* Quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hà Văn HN1, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện YC, tỉnh Sơn La.

Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên buộc ông Hà Văn HN1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về tố tụng: Ông Hà Văn HN1, đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của người kháng cáo theo quy định tại điều 272 BLTTDS, do đó vụ án được xem xét giải quyết theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông Lường văn HN khởi kiện ông Hà Văn HN1 trả lại diện tích đất khoảng 40m2 đã mượn năm 2013, phần đất nằm trong diện tích đã được cấp quyền sử dụng đất của gia đình ông từ năm 1998, Bị đơn không nhất trí với yêu cầu của nguyên đơn. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là: Tranh chấp quyền sử dụng đất là có căn cứ, đúng quy định.

[2] Về hiện trạng sử dụng đất: Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông Lường Văn HN có đơn yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với phần diện tích đất tranh chấp. Tòa án nhân dân huyện YC đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với phần diện tích đất tranh chấp. Kết quả xác định, hiện trạng sử dụng đất không có sự thay đổi về ranh giới. Diện tích đất tranh chấp là mặt trước của gia đình ông HN có vị trí tiếp giáp đường quốc lộ 103, đều được nguyên đơn, bị đơn xác định; trong quá trình giải quyết bị đơn có yêu cầu phản tố, có nội dung yêu cầu độc lập bổ sung song vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn cho rằng toàn bộ diện tích đất của gia đình nguyên đơn là do bố mẹ đẻ đã cho anh, anh HN mượn đất của ông D bà D1 ở khi con lớn sẽ chuyển đi nơi khác; anh HN có sổ đỏ là không đúng anh HN1 không được biết, việc cấp đất cho anh HN chị HN2 là không đúng pháp luật; Tòa

án nhân dân huyện YC không xem xét toàn diện mà chấp nhận việc cấp sổ đỏ của cơ quan địa chính và giao toàn bộ đất trong sổ cho anh HN - HN2 là trái pháp luật; bổ sung đề nghị hủy toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lường Văn HN và Hà Thị HN2; có ý kiến với Tòa án nhân dân huyện YC về việc thẩm phán giải quyết vụ án có mối quan hệ gia đình anh em với anh HN nhưng không được tòa xem xét; HĐXX cấp phúc thẩm xem xét kháng cáo trong phạm vi quy định tại điều 293 BLTTDS

[3] Xét nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về nội dung đơn kháng cáo: Ông Hà Văn HN1 đề nghị xem xét chính xác nguồn gốc mảnh đất mà hiện nay vợ chồng anh chị HN – HN2 đang ở là của ông Hà Văn D và bà Hoàng Thị D1, ông D và bà D1 đã giao quyền thừa kế cho ông thông qua việc họp gia đình họ hàng năm 1996 và việc vợ chồng anh chị HN - HN2 tự ý đi làm tách sổ đỏ và làm sổ đỏ mới khi không có sự đồng ý của gia đình ông.

Ngoài ra Ông cho rằng diện tích đất gia đình ông HN đang sử dụng là đất mượn của ông D bà D1 (bố mẹ vợ ông HN) nên ông HN không được quyền sử dụng và làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; bà HN2 (vợ ông HN) là phận gái đã đi lấy chồng, việc kê khai để cấp sổ đỏ ông không được biết, không chấp nhận việc UBND huyện YC cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhà ông HN.

Về nguồn gốc đất: Năm 1990 gia đình ông Lường Văn HN được bố mẹ vợ là ông D bà D1 chia cho đất làm nhà ở trong một phần diện tích đất mà ông bà đã khai phá. Đến năm 1997 Nhà nước yêu cầu các hộ kê khai đất đang sử dụng để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, về thủ tục được chính quyền bản xã đã xác nhận và xét đủ điều kiện để chính quyền địa phương Quyết định giao đất; năm 1998 Chủ tịch UBND huyện YC cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M351069 ngày 31/10/1998 mang tên ông HN. Về thủ tục cấp được xác định đảm bảo đủ điều kiện theo trình tự thủ tục pháp luật quy định tại Luật đất đai 1993 và Thông tư 346 ngày 16/3/1998 của Tổng cục Địa chính. Cấp sơ thẩm đã xem xét thẩm định, thẩm tra xác minh nguồn gốc diện tích đất tại UBND xã CS và Văn phòng đăng ký đất đai huyện YC, thể hiện sổ địa chính, bản đồ giải thửa, biên bản giao đất do Văn phòng đăng ký đất đai huyện YC cung cấp đều thể hiện đất thổ cư, đất vườn khác đã được cấp đủ cho hai gia đình ông HN và bà D1 cấp quyền cùng một ngày 31/10/1998. Do chủ tịch UBND huyện YC ký. Gia đình bà D1 không ai có ý kiến gì từ thời điểm được cấp quyền.

Như trên, gia đình ông HN được bố mẹ vợ chia cho đất từ năm 1990. Ông HN1 xuất trình biên bản cuộc họp gia đình lập sau khi ông D chết vào năm 1996. Là thời điểm toàn bộ diện tích đất chưa được kê khai xác lập cấp quyền; cuộc họp không đầy đủ thành phần hàng thừa kế tham gia theo quy định của pháp luật, nội dung không rõ ràng về vị trí thửa, diện tích, tứ cận đất, cuộc họp mang tính nội bộ chưa phát sinh hiệu lực theo quy định; đến năm 1998 cơ quan có thẩm quyền mới tiến hành xem xét cấp sổ cho 2 hộ gia đình ông Lường Văn HN và bà Hà Thị D1 không có tên gia đình anh Hà Văn HN1 và chị HN3. Mặt khác Năm 2009 Bà D1 lại tiếp tục họp gia đình thể hiện ý chí để lại toàn bộ đất và tài sản cho vợ chồng bà Hà Thị D2 và ông D3 là chị gái và anh rể anh HN1 chăm sóc bà cho đến khi chết (bà chết tháng 9/2020) gia đình anh HN1 xác nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn mang tên bà D1 và hiện anh chị D2 D3 đang là người cất gữi, quản lý, tài sản, nhà và cả gia đình đang sinh sống trên diện tích đất trên.

Tại Biên bản xem xét thẩm định của hội đồng và các biên bản giải quyết tranh chấp đất trên giữa 2 gia đình vào tháng 5 và tháng 12 năm 2020 của UBND xã CS, huyện YC (có sơ đồ vẽ hiện trạng) đã xác định diện tích đang tranh chấp nằm trong sổ đã được cấp của gia đình ông HN

Xét hiện trạng đất đang sử dụng, nguồn gốc quá trình, thời điểm sử dụng, thời điểm tạo lập tài sản vị trí diện tích thửa đất đang tranh chấp đã được cấp có thẩm quyền xem xét cấp cho gia đình ông HN tại tờ bản đồ số 420-2c, giấy chứng nhận QSDD số M 351069 theo quyết định số 574 của UBND huyện YC cấp ngày 31/10/1998 là hợp pháp. Do đó việc cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lường Văn HN là có căn cứ.

Về yêu cầu của gia đình ông HN1 về quyền thừa kế tài sản bố mẹ để lại sẽ được tách ra xem xét giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu của các hàng thừa kế theo luật định.

Về nội dung ý kiến về quan hệ gia đình, anh em của thẩm phán sơ thẩm đã giải quyết vụ án: Đương sự không xuất trình được căn cứ, tài liệu để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ theo luật. Do vậy không đặt ra xem xét.

Về thông tin thửa đất cấp sơ thẩm không tuyên vào phần quyết định là thiếu sót cấp cấp phúc thẩm đã khắc phục. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Từ nhận định, phân tích nêu trên, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Hà Văn HN1 giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện YC.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên buộc ông Hà Văn HN1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hà Văn HN1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 08/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện YC, tỉnh Sơn La như sau:

Áp dụng Điều 32, 33, 34, 36 Luật Đất đai năm 1993; khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2014; khoản 3 Điều 155, Điều 169 Bộ luật Dân sự; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của ông Lường Văn HN

2. Buộc ông Hà Văn HN1 chấp dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiền quyền sử dụng đất của ông HN. Buộc ông Hà Văn HN1 phải trả lại diện tích đất 47,8m2 là một phần đất trong GCNQSDĐ số M351069 cấp ngày 31/10/1998 theo quyết định số 574 của của Chủ tịch UBND huyện YC, Thuộc tờ bản đồ số 420-2c, thửa số 228 Tại: Bản Đ2, xã CS, huyện YC, tỉnh Sơn La, cho ông Lường Văn HN, có tứ cạnh như sau:

Phía Bắc, giáp rãnh nước giữa nhà ông HN và nhà ông HN1, có chiều dài 5,4m;

Phía Nam, giáp đường bê tông vào bản, có chiều dài 5,4m;

Phía Đông, giáp đất hành lang giao thông, có độ dài 7,4m;

Phía Tây, giáp đất của ông HN có độ dài 10,3m; Tổng diện tích là 47,8m^2.

3. Tạm giao cho ông Lường Văn HN được sử dụng đất hành lang giao thông đường tỉnh lộ 103, có diện tích 37m^2, có tứ cạnh như sau: Phía Bắc, giáp đất ông HN1 có chiều dài 5m; Phía Nam, giáp đường dân sinh, có độ dài 5m; Phía Tây giáp đất đang tranh chấp có chiều dài 7,4m; Phía Đông, giáp đường tỉnh lộ 103 có độ dài 7,4m (do diện tích liền kề với phần diện tích đất trên có trong GCNQSD đất của ông HN).

4. Về án phí: Ông Hà Văn HN1 phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm, được tính vào biên lai thu nộp tạm ứng án phí số AA/2019/0001679 ngày 17/9/2021, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện YC.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 14/12/2021).

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành.

Nơi nhận:
- TAND H. YC;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS H. YC;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đinh Thị Mai Lan